CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sông Đà 3

Ngày 30/06/2025	6,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.3%	**11.9%**	**32.0%**

DT thuần
Q2/25
46.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.50| -8.8%
YoY: ▲ 14.3| 44.3%

LN thuần
Q2/25
-2.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.3| -112%
YoY: ▲ 27.5| 92.3%

LN sau thuế
Q2/25
-7.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.6| -143%
YoY: ▲ 23.7| 76.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
25.2%
YoY: +/-▼ 26.5%

ROE (TTM)
Q2/25
68.6%
YoY: +/-▲ 55.9%

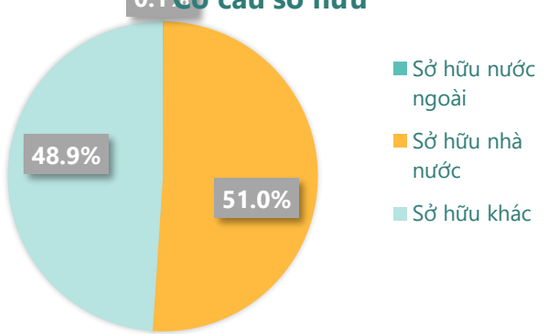
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,300 - 7,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
Số lượng CPLH (CP)	15,999,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,930
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.56
EPS	2,027
P/E	3.3

DT thuần
6T 2025
97.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.1| 36.5%

LN thuần
6T 2025
16.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.6| 184%

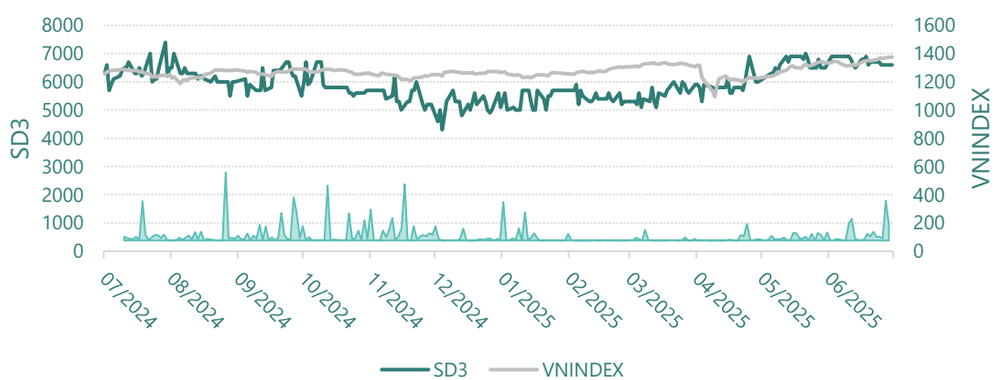
LN sau thuế
6T 2025
9.82
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.9| 145%

Cơ cấu sở hữu

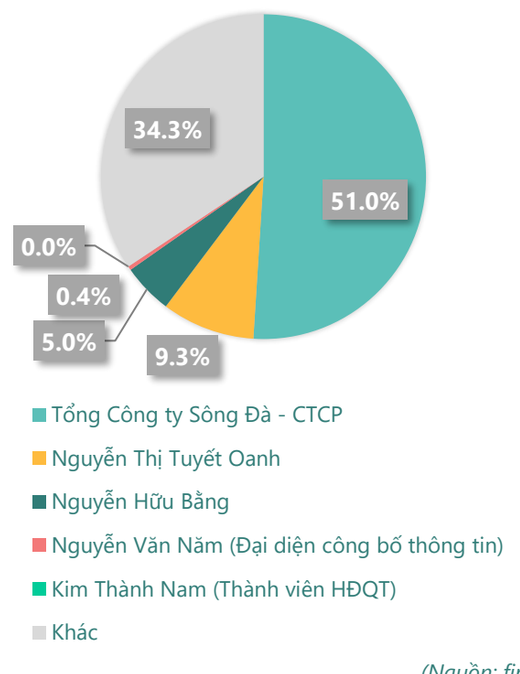


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

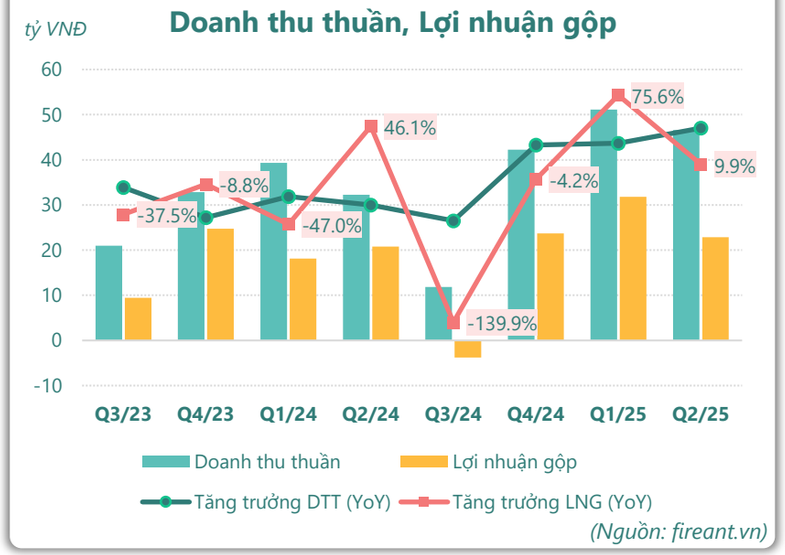


Cơ cấu cổ đông

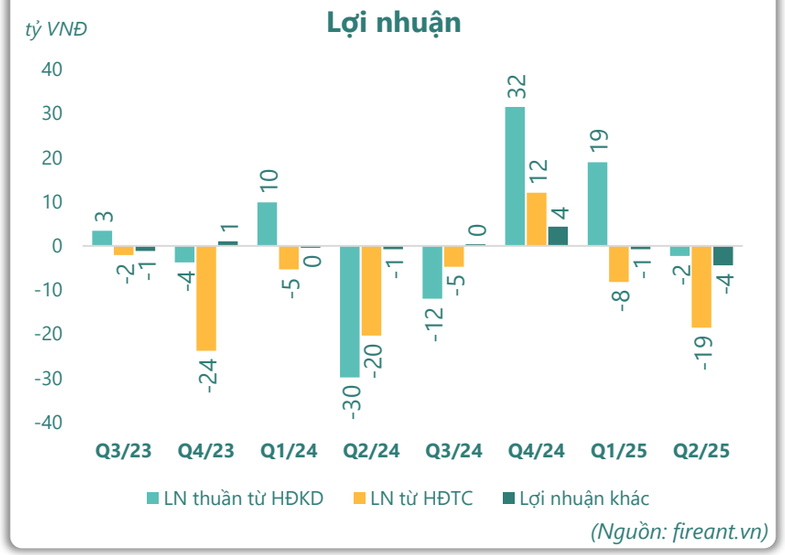


(Nguồn: fireant.vn)

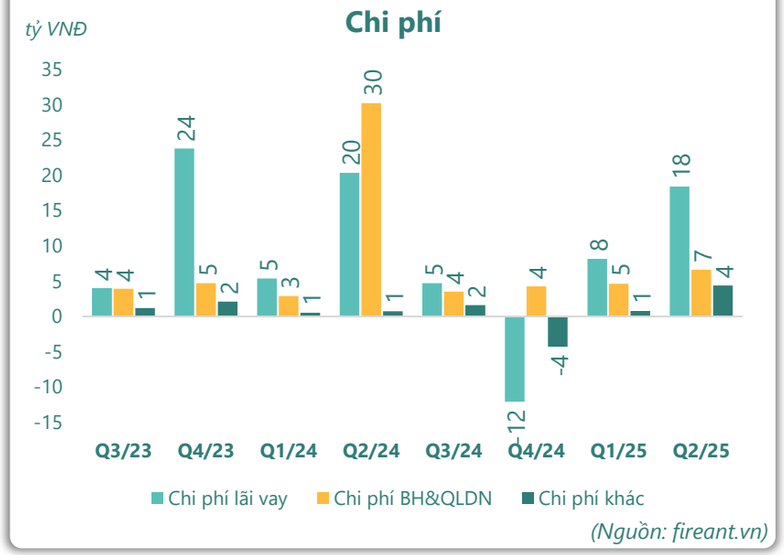
KẾT QUẢ KINH DOANH



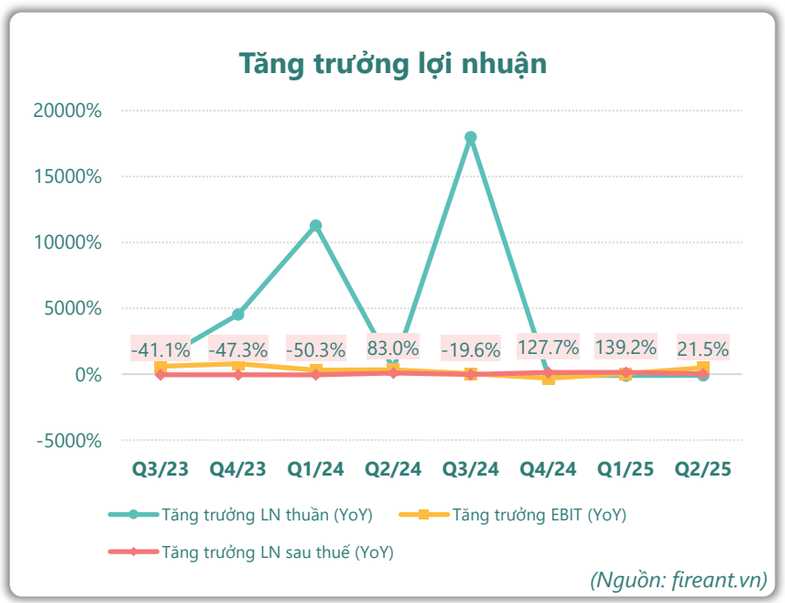
(Nguồn: fireant.vn)



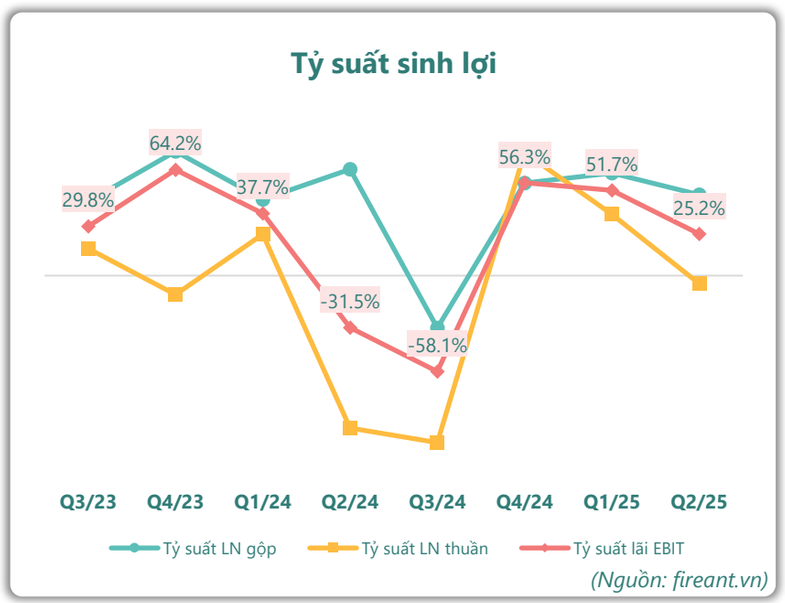
(Nguồn: fireant.vn)



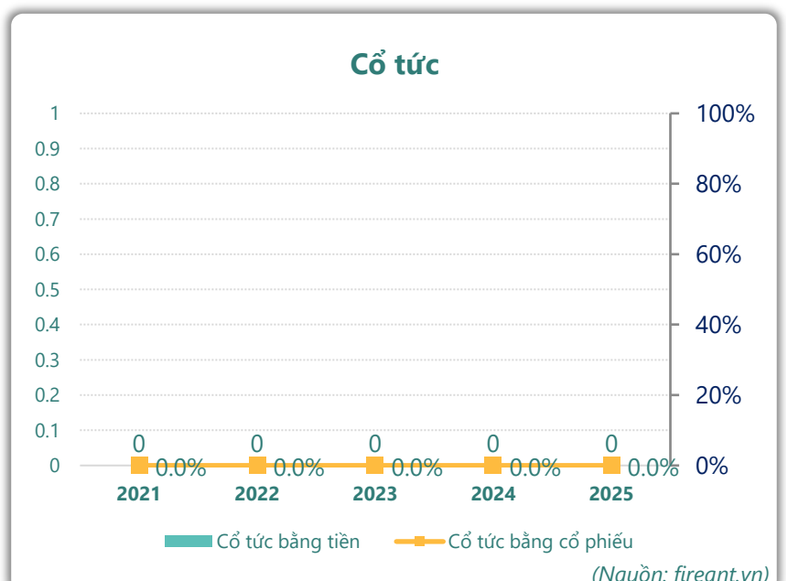
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



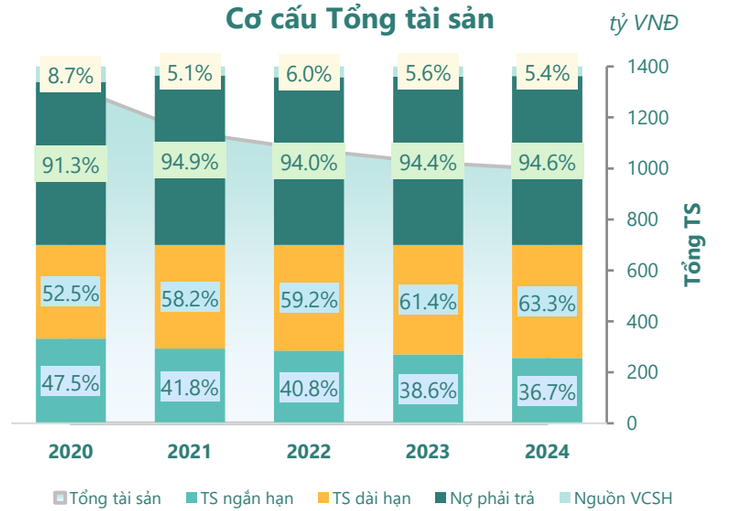
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

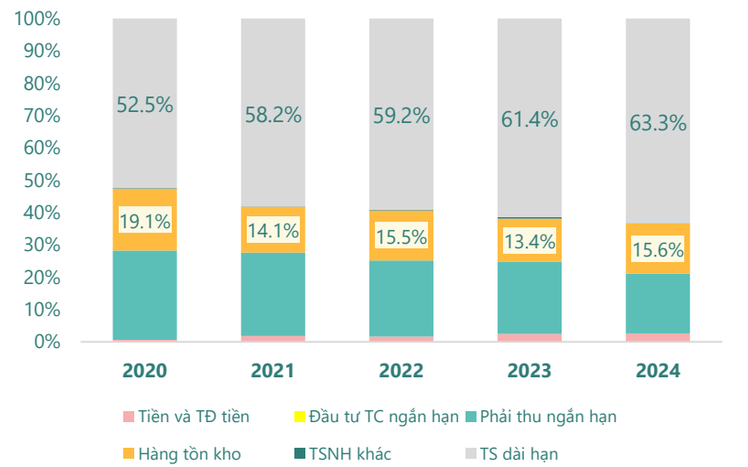
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



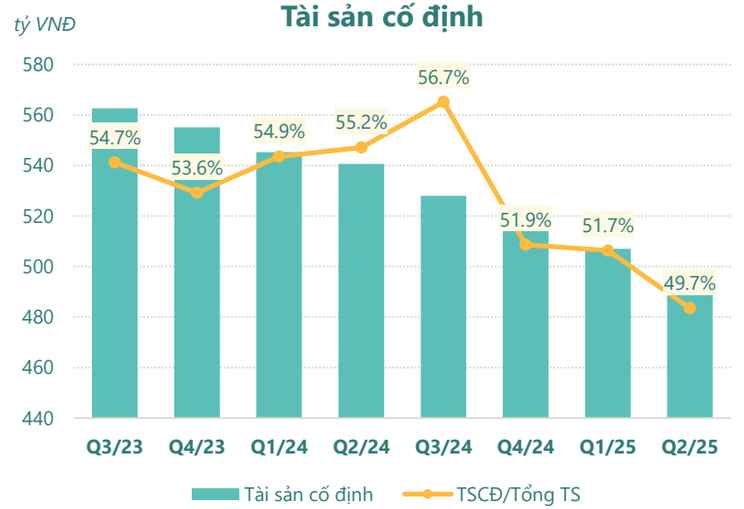
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



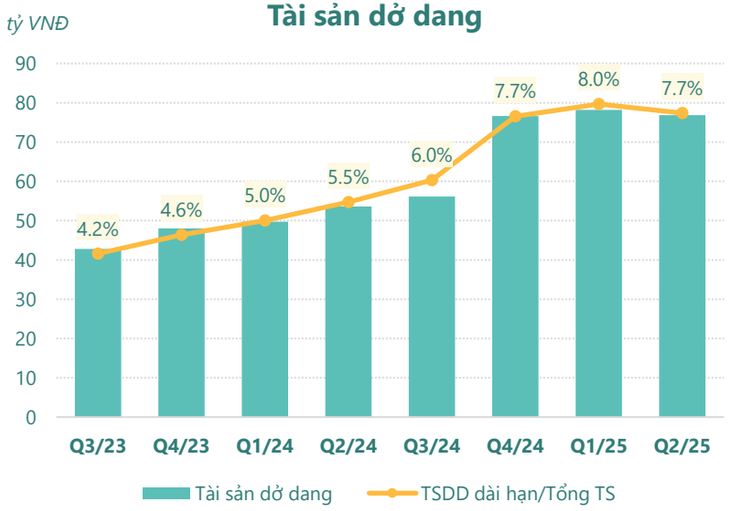
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



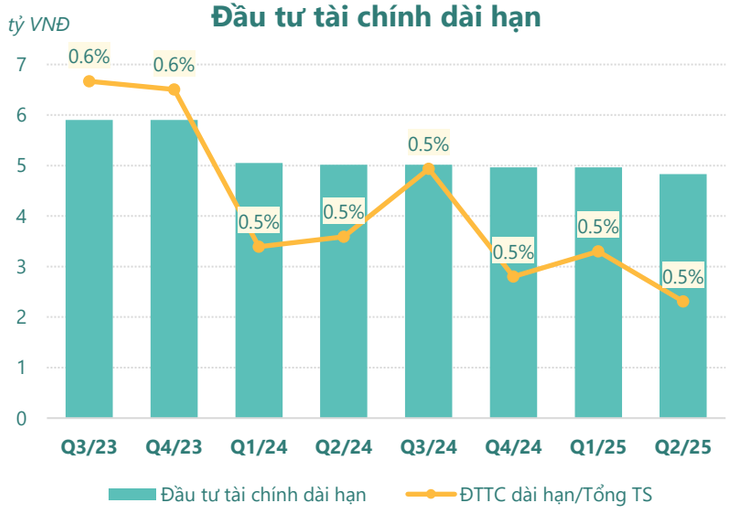
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



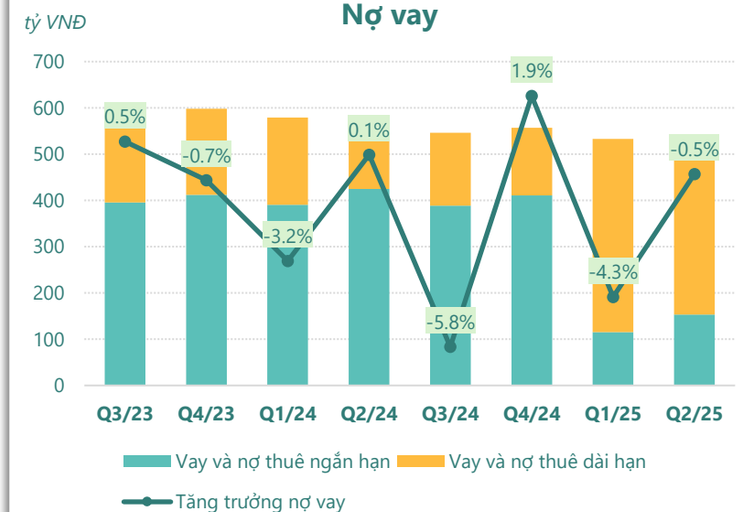
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

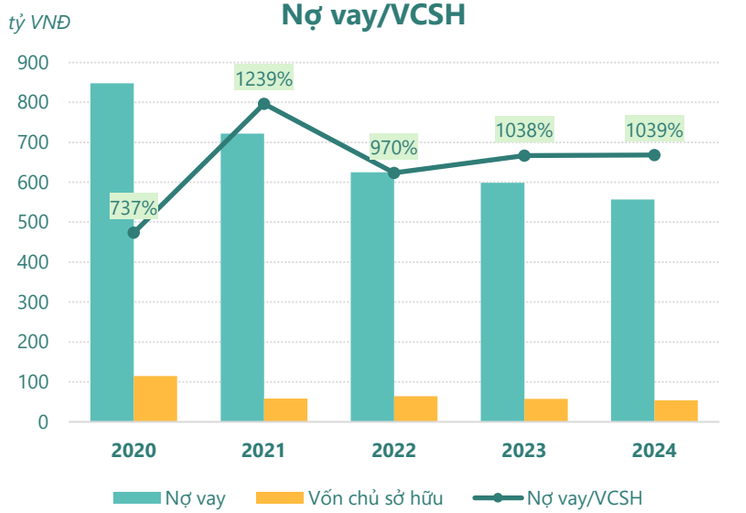
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



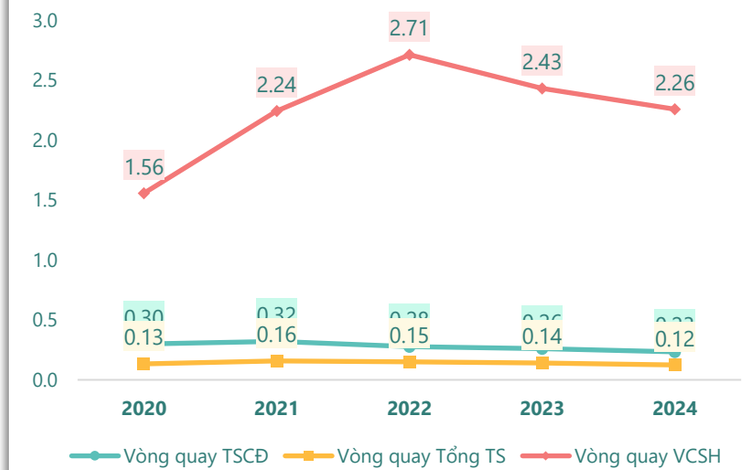
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



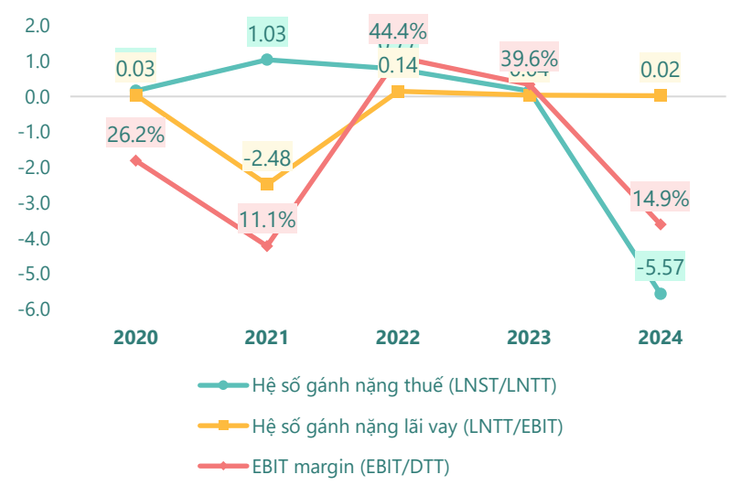
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



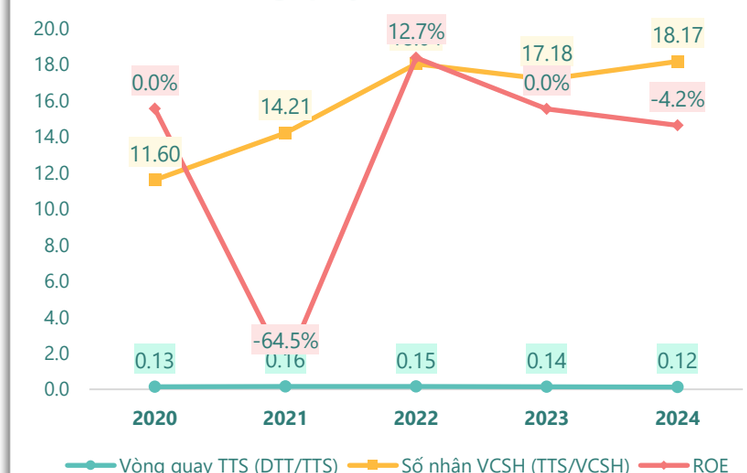
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



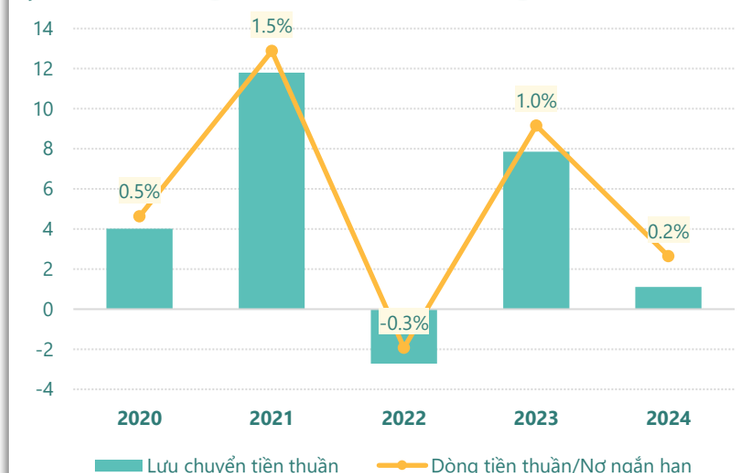
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**46.6**	**32.3**	**44.3%**	**97.7**	**71.6**	**36.5%**
Giá vốn hàng bán	23.7	11.5	106%	43.0	32.7	31.8%
Lợi nhuận gộp	22.9	20.8	9.9%	54.7	38.9	40.5%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	45.6%	0.02	0.02	-1.5%
Chi phí TC	18.6	20.4	-9.0%	26.7	25.7	3.8%
Chi phí lãi vay	18.4	20.3	-9.2%	26.6	25.7	3.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**6.61**	**30.2**	**-78.1%**	**11.3**	**33.1**	**-66.0%**
LN thuần từ HĐKD	-2.29	-29.8	92.3%	16.7	-19.9	184%
Lợi nhuận khác	**-4.40**	**-0.72**	**-511%**	**-5.16**	**-1.14**	**-353%**
LN trước thuế	-6.69	-30.5	78.1%	11.5	-21.1	155%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.38**	**-31.1**	**76.3%**	**9.82**	**-22.1**	**145%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-7.51**	**-31.2**	**75.9%**	**9.50**	**-22.3**	**143%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.08	26.0	-5.04	14.9	0.83	50.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-5.22	5.22	0	-1.21	1.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.9	0.71	-33.7	10.6	-23.8	-2.77
Tiền đầu kỳ	25.4	13.5	35.0	1.49	26.5	2.32
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.8**	**21.4**	**-33.5**	**25.5**	**-24.2**	**48.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.5	35.0	1.49	27.0	2.32	51.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**994**	**998**	**-0.4%**
Tài sản ngắn hạn	391	366	6.8%
Tiền và tương đương tiền	51.1	26.5	92.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	183	184	-0.5%
Hàng tồn kho	157	155	0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.38	-49.9%
Tài sản dài hạn	**603**	**631**	**-4.5%**
Phải thu dài hạn	2.25	2.25	0.0%
Tài sản cố định	494	520	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	76.9	77.0	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.83	4.96	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	**24.7**	**27.7**	**-10.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	932	944	-1.3%
Nợ ngắn hạn	**554**	**525**	**5.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	154	138	10.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	129	142	-9.1%
Nợ dài hạn	378	419	-9.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	377	419	-9.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**62.1**	**53.6**	**15.9%**
Vốn chủ sở hữu	**62.1**	**53.6**	**15.9%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)